

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 216/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều
của Luật Lý lịch tư pháp**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 68/2020/QH14 và Luật số 107/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 64/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một
số điều của Luật Lý lịch tư pháp.*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết Điều 11 về cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Điều 14 về bảo vệ, lưu trữ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và hướng dẫn về trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, lập lý lịch tư pháp, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp, thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp và khai thác, sử dụng thông tin lý lịch tư pháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước được giao thực hiện xây dựng, bảo vệ, lưu trữ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; thu thập, tạo lập,

cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành và kết nối, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao thẩm quyền tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin lý lịch tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II **CƠ SỞ DỮ LIỆU LÝ LỊCH TƯ PHÁP**

Điều 3. Trách nhiệm của các bộ, ngành trong việc xây dựng, quản lý, vận hành, kết nối cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

1. Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì tổ chức thực hiện việc xây dựng, quản lý, vận hành, bảo vệ và lưu trữ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp và Nghị định này.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, bảo vệ, lưu trữ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

1. Việc xây dựng, bảo vệ, lưu trữ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải tuân thủ quy định của Luật Lý lịch tư pháp, Nghị định này và các quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, tiếp cận thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, chuyển đổi số, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan có liên quan trong hệ thống chính trị.

2. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được xây dựng tập trung; theo nguyên tắc mở, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị và quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu, công nghệ thông tin và các quy định có liên quan, các tiêu chuẩn về an ninh mạng và khả năng phục hồi sau sự cố; được xây dựng, đầu tư, bảo trì, nâng cấp theo định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; bảo đảm hiệu quả, đơn giản, thuận tiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện dịch vụ công, thủ tục hành chính và các hoạt động khác.

3. Dữ liệu lý lịch tư pháp đã có trong các cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ thì không thu thập lại. Mọi bản ghi dữ liệu được lưu vết truy cập, chỉnh sửa, cập nhật, đảm bảo khả năng truy xuất lịch sử thay đổi và biến động dữ liệu.

Điều 5. Xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

1. Hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp bao gồm:

- a) Tiếp nhận, kiểm tra, phân loại và xử lý thông tin lý lịch tư pháp;
- b) Lập Lý lịch tư pháp;
- c) Cập nhật thông tin lý lịch tư pháp vào Lý lịch tư pháp đã được lập;
- d) Điều chỉnh thông tin lý lịch tư pháp của cá nhân trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

2. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp bao gồm các nhóm thông tin sau đây:

a) Thông tin của cá nhân được lập lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 4a Điều 2 Luật Lý lịch tư pháp. Trong đó, thông tin về số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu trong trường hợp không có số định danh cá nhân được sử dụng làm thông tin gốc để kết nối, đối soát và đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

b) Thông tin lý lịch tư pháp về án tích, tình trạng thi hành án, xóa án tích;

c) Thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

3. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải ghi nhận lịch sử cập nhật, điều chỉnh dữ liệu, bao gồm thời gian, nội dung và chủ thể thực hiện, nhằm phục vụ việc kiểm tra, đối soát, truy vết nguồn gốc dữ liệu và bảo đảm tính toàn vẹn, minh bạch trong quản lý dữ liệu.

Điều 6. Kết nối và chia sẻ dữ liệu lý lịch tư pháp

1. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia thông qua các phương thức, nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông, tự động, bảo đảm đúng mục đích, đúng thẩm quyền, đúng phạm vi, đúng đối tượng và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là hoạt động bắt buộc, được thực hiện thông qua các phương thức sau:

a) Kết nối thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia (NDOP) và các điểm kết nối bảo mật theo quy định;

b) Khai thác, truy vấn dữ liệu thông qua giao diện lập trình ứng dụng (API) theo tiêu chuẩn, quy trình do cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp Bộ Công an và cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành thống nhất ban hành;

c) Đồng bộ dữ liệu tự động giữa hệ thống thông tin của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, các ngành có liên quan với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

3. Dữ liệu lý lịch tư pháp được chia sẻ dưới dạng thông điệp dữ liệu điện tử có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

4. Cơ quan, tổ chức không được yêu cầu cung cấp lại thông tin lý lịch tư pháp khi thông tin đó đã có trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và đã được kết nối, chia sẻ.

Trường hợp cần xác minh, thẩm tra tính chính xác của thông tin hoặc khi thông tin khai thác được chưa đầy đủ, chưa chính xác, cơ quan có thẩm quyền được yêu cầu cung cấp bổ sung thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành trước khi thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải đảm bảo an ninh, an toàn thông tin và có tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; dữ liệu chia sẻ phải được làm sạch, bảo đảm chính xác, đầy đủ; có nguồn gốc hợp pháp, được xác thực theo thẩm quyền; phản ánh đúng hiện trạng về pháp lý và đầy đủ các trường thông tin.

Điều 7. Tạo lập và cập nhật cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

1. Bộ Công an có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, xử lý và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật.

Các bộ, ngành trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ có phát sinh nguồn thông tin được quy định tại Điều 15, Điều 33 và Điều 36 Luật Lý lịch tư pháp có trách nhiệm tạo lập, cập nhật ngay thông tin và số hóa dữ liệu vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành do mình quản lý để chia sẻ, đồng bộ với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp do Bộ Công an quản lý. Việc chia sẻ đồng bộ dữ liệu được thực hiện trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi thông tin được cập nhật vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

2. Việc tạo lập, cập nhật dữ liệu lý lịch tư pháp phải bảo đảm:

- a) Phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời nội dung thông tin;
- b) Kiến trúc dữ liệu và Từ điển dữ liệu lý lịch tư pháp; sử dụng số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu trong trường hợp không có số định danh cá nhân làm khóa định danh;
- c) Bảo đảm khả năng kiểm tra, đối soát, truy vết nguồn gốc dữ liệu.

3. Bộ Công an có trách nhiệm ban hành Kiến trúc dữ liệu và Từ điển dữ liệu lý lịch tư pháp.

Điều 8. Tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo đảm vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

1. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được xây dựng, quản lý và vận hành theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hệ thống thông tin, công nghệ số và an toàn thông tin mạng do cơ quan có thẩm quyền ban hành, phù hợp với kiến trúc Chính phủ số, Chính phủ điện tử.

2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Bảo đảm kiến trúc, cấu trúc hệ thống thông tin phục vụ việc quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp thống nhất, đồng bộ;

b) Bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, liên tục, an toàn và có khả năng mở rộng trong quá trình vận hành;

c) Bảo đảm an ninh mạng và bảo mật dữ liệu trong suốt quá trình thu thập, lưu trữ, xử lý và khai thác dữ liệu lý lịch tư pháp;

d) Bảo đảm khả năng liên thông, đồng bộ, kết nối và tích hợp với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia;

đ) Bảo đảm yêu cầu sao lưu, phục hồi dữ liệu và tính sẵn sàng của hệ thống khi xảy ra sự cố.

3. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng và các cơ quan có liên quan tổ chức thống nhất các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật, cấu trúc và định dạng dữ liệu và yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ việc xây dựng, quản lý và vận hành cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu hai chiều, thông suốt theo quy định của pháp luật.

4. Việc đầu tư, quản lý, bảo trì và nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích

Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp có trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật Lý lịch tư pháp và những thông tin khác có liên quan đến bản án hình sự đối với người bị kết án có trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Điều 10. Lập Lý lịch tư pháp đối với người bị Tòa án kết án

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp có trách nhiệm lập Lý lịch tư pháp của người bị kết án quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Luật Lý lịch tư pháp.

2. Trường hợp cần có thêm thông tin về án tích của người bị kết án để lập Lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Luật Lý lịch tư pháp và Điều 9 Nghị định này.

Điều 11. Cập nhật thông tin lý lịch tư pháp về án tích đối với trường hợp đã có lý lịch tư pháp

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp thực hiện cập nhật các quyết định, giấy chứng nhận, xác nhận về quá trình thi hành bản án vào lý lịch tư pháp đã lập theo quy định tại Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, khoản 3 Điều 33 Luật Lý lịch tư pháp.

2. Trường hợp lý lịch tư pháp của một người đã được lập mà sau đó bị kết án bởi bản án có hiệu lực pháp luật khác thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp lập lý lịch tư pháp bổ sung những thông tin của bản án tiếp theo và thông tin về quá trình thi hành bản án này vào lý lịch tư pháp của người đó.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp nơi lập lý lịch tư pháp theo dõi việc cập nhật thông tin về quá trình thi hành án, thông tin về đương nhiên được xóa án tích của các bản án trong lý lịch tư pháp.

Điều 12. Cập nhật, tra cứu, xác minh thông tin có liên quan về hành vi phạm tội mới

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận, cập nhật thông tin có liên quan về hành vi phạm tội mới do Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan điều tra cung cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Lý lịch tư pháp.

2. Trường hợp người bị kết án chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, chấp hành xong hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự và các quyết định khác của bản án hoặc người bị kết án đã hết thời hiệu thi hành bản án và đã có đủ thời gian để đương nhiên được xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự, Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp có trách nhiệm tra cứu thông tin đã được cập nhật tại khoản 1 Điều này để xác định người đó có thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn đương nhiên được xóa án tích theo quy định của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình tra cứu, nếu chưa đủ căn cứ xóa án tích thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp thực hiện xác minh tại các cơ quan tiến hành tố tụng về thông tin có liên quan đến hành vi phạm tội mới quy định tại Điều 33 của Luật Lý lịch tư pháp.

Điều 13. Cập nhật thông tin lý lịch tư pháp về đương nhiên được xóa án tích

Căn cứ vào kết quả tra cứu, xác minh về hành vi phạm tội mới quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này, Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp cập nhật thông tin vào Lý lịch tư pháp của người bị kết án như sau:

1. Cập nhật vào Lý lịch tư pháp của người bị kết án là “đã được xóa án tích” nếu người đó thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không có thông tin về việc người đó có hành vi phạm tội mới trong thời hạn đang có án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự;

b) Có thông tin liên quan về hành vi phạm tội mới quy định tại điểm b và điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Lý lịch tư pháp.

2. Cập nhật vào Lý lịch tư pháp của người bị kết án là “có án tích” nếu người đó có hành vi phạm tội mới trong thời hạn đang có án tích hoặc chưa hết thời hạn đương nhiên được xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Điều 14. Trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã

Cơ quan thi hành án dân sự cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về việc thi hành quyết định tuyên bố phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã, trong đó có nội dung cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã cho Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Điều 15. Lập Lý lịch tư pháp đối với người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã

1. Công an tỉnh, thành phố có trách nhiệm lập Lý lịch tư pháp đối với người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật Lý lịch tư pháp.

2. Trường hợp cần có thêm thông tin của người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã để lập Lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Công an tỉnh, thành phố yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Lý lịch tư pháp và Điều 14 Nghị định này.

3. Lý lịch tư pháp được lập riêng cho từng người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã với các nội dung sau đây:

a) Số, ngày tháng năm của quyết định, Tòa án đã ra quyết định tuyên bố phá sản.

b) Các thông tin của người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Lý lịch tư pháp.

Điều 16. Cập nhật thông tin lý lịch tư pháp của người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã

Trường hợp người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã đã có lý lịch tư pháp, Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý

lịch tư pháp đã lập lý lịch tư pháp bổ sung thông tin theo quyết định của Tòa án vào lý lịch tư pháp của người đó.

Điều 17. Phối hợp xác minh, cung cấp thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

1. Trong quá trình cập nhật thông tin lý lịch tư pháp, trường hợp các thông tin về nhân thân của người bị kết án, người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có điểm chưa rõ ràng, chính xác thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp có trách nhiệm tra cứu, xác minh thông tin tại cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác hoặc phối hợp với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư, hộ tịch để xác minh, làm rõ.

2. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hộ tịch có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 18. Điều chỉnh thông tin của người bị lập lý lịch tư pháp trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

1. Điều chỉnh thông tin của người bị lập lý lịch tư pháp trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là việc điều chỉnh thông tin lý lịch tư pháp khi có sự sai sót trong quá trình thu thập, cập nhật, quản lý thông tin thông qua kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp với các cơ sở dữ liệu khác hoặc theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin lý lịch tư pháp hoặc theo đề nghị của cá nhân. Việc điều chỉnh thông tin phải đúng thẩm quyền, rõ căn cứ và được lưu vết đảm bảo khả năng truy xuất lịch sử thay đổi và biến động dữ liệu.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Lý lịch tư pháp kiểm tra, xác minh và kịp thời điều chỉnh thông tin, thông báo kết quả cho cơ quan, cá nhân đã đề nghị.

Điều 19. Bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

1. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được bảo vệ theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, pháp luật về an ninh mạng trong quá trình thu thập, cập nhật, lưu trữ, xử lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và xóa, hủy dữ liệu.

2. Biện pháp bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp gồm:

- a) Các biện pháp phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống thiên tai;
- b) Các biện pháp bảo vệ an ninh mạng, an ninh thông tin mạng;
- c) Thiết lập cơ chế ghi nhận, giám sát và kiểm soát hoạt động truy cập, khai thác và xử lý dữ liệu;

d) Các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi truy cập trái phép, làm sai lệch, phá hoại, chiếm đoạt hoặc làm lộ, mất dữ liệu;

đ) Các biện pháp bảo đảm tính toàn vẹn, chính xác và nhất quán của dữ liệu lý lịch tư pháp trong quá trình xử lý;

e) Sao lưu dữ liệu định kỳ tối thiểu thành 02 bản (đối với dữ liệu phát sinh 01 lần/ngày, dữ liệu đầy đủ 01 lần/tuần), lưu trữ và phục hồi dữ liệu trong trường hợp xảy ra sự cố.

3. Khi phát hiện sự cố hoặc hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân liên quan đến cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp có trách nhiệm kịp thời triển khai các biện pháp ứng phó, xử lý, khắc phục hậu quả.

4. Bộ Công an có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật và nghiệp vụ để bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Điều 20. Lưu trữ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

1. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được lưu trữ an toàn tại hệ thống lưu trữ chính và lưu trữ dự phòng của cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp Bộ Công an. Việc lưu trữ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải bảo đảm khả năng phục hồi dữ liệu, định kỳ kiểm tra và phục hồi thử để sẵn sàng sử dụng. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được phục hồi khi dữ liệu bị phá hủy, tấn công mạng, truy nhập trái phép.

2. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được lưu trữ vĩnh viễn.

3. Các thiết bị lưu trữ dữ liệu về lý lịch tư pháp bị lỗi, hư hỏng khi giao cho tổ chức, cá nhân bảo hành, sửa chữa phải có cán bộ chuyên môn giám sát và được sự đồng ý của Thủ trưởng Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp Bộ Công an; thiết bị lưu trữ sau khi sửa chữa, thay thế phải được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra để đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống; khi thay thế thiết bị lưu trữ phải giữ lại thiết bị cũ để quản lý tối thiểu là 12 tháng.

Điều 21. Quyền tiếp cận cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

1. Sĩ quan Công an nhân nhân đang công tác tại Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp chỉ được quyền tiếp cận cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong phạm vi chức trách, nhiệm vụ được giao.

2. Cơ quan tiến hành tố tụng được tiếp cận và khai thác thông tin theo quy định của Điều 43 Luật Lý lịch tư pháp. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp được tiếp cận và khai thác thông tin theo quy định của Điều 42 Luật Lý lịch tư pháp để phục vụ công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, hoạt động giải quyết thủ tục hành chính.

3. Việc khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải đúng mục đích, thẩm quyền, bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật và bảo đảm nguyên tắc theo quy định của Điều 4 Nghị định này.

Chương III

THỦ TỤC YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP VÀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Điều 22. Thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp

1. Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Lý lịch tư pháp thực hiện như sau:

a) Trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến thì khai Tờ khai điện tử theo hướng dẫn trên Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính thì khai Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp kèm theo chứng thực chữ ký của cá nhân yêu cầu theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tiếp thì khai Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

2. Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 45 Luật Lý lịch tư pháp thực hiện như sau:

a) Trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cha, mẹ, vợ, chồng, con của mình hoặc người mà mình giám hộ, hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người khác (không phải là cha, mẹ, vợ, chồng, con của mình hoặc người mà mình giám hộ), hồ sơ gồm: các giấy tờ được quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 1 Điều này và văn bản ủy quyền được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.

3. Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là người không quốc tịch, hồ sơ gồm: các giấy tờ được quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 1 Điều này và giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do nước mà người không quốc tịch đang cư trú cấp và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chấp thuận.

4. Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch, hồ sơ gồm: các giấy tờ được quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 1 Điều này và giấy chứng nhận căn cước do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

5. Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp bằng hình thức trực tiếp nộp hồ sơ tại Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp nơi cư trú hoặc nơi gần nhất.

6. Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính thực hiện như sau:

a) Công dân Việt Nam gửi hồ sơ đến Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp nơi thường trú; trường hợp không có nơi thường trú gửi hồ sơ đến Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp nơi tạm trú; trường hợp cư trú ở nước ngoài gửi hồ sơ đến Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp nơi cư trú trước khi xuất cảnh;

b) Người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam gửi hồ sơ đến Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp nơi cư trú; trường hợp đã rời khỏi Việt Nam gửi hồ sơ đến Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp Bộ Công an.

7. Số lượng hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp: 01 hồ sơ/lần yêu cầu đối với mỗi loại Phiếu lý lịch tư pháp.

8. Cá nhân thuộc diện miễn, giảm phí thì nộp kèm theo hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp bản chụp hoặc bản sao giấy tờ chứng minh thuộc diện miễn, giảm phí.

Điều 23. Tiếp nhận hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp

1. Đối với hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến thì phần mềm giải quyết thủ tục hành chính cấp Phiếu lý lịch tư pháp của Bộ Công an tự động kiểm tra và trong vòng 08 giờ làm việc thông báo đến cá nhân có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp hồ sơ được tiếp nhận hoặc không được tiếp nhận, lý do không được tiếp nhận.

2. Đối với hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì đề nghị người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu nộp thêm giấy tờ để chứng minh các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;

b) Trường hợp hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 49 Luật Lý lịch tư pháp thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ;

c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác và nộp phí cung cấp thông tin về lý lịch tư pháp theo quy định thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;

d) Thời hạn ban hành Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ, Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trong vòng 01 giờ đối với trường hợp yêu cầu trực tiếp và trong vòng 01 ngày làm việc đối với trường hợp yêu cầu qua dịch vụ bưu chính kể từ khi nhận được hồ sơ.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu về Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ, Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.

Điều 24. Giải quyết hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp

Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp có trách nhiệm giải quyết hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp đúng thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật Lý lịch tư pháp.

Điều 25. Trả Phiếu lý lịch tư pháp

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp trả Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử tại Cổng dịch vụ công quốc gia và Ứng dụng định danh quốc gia cho cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp bằng hình thức trực tuyến.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp trả Phiếu lý lịch tư pháp bản giấy trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, đồng thời kết quả cấp Phiếu lý lịch tư pháp được cập nhật, lưu trữ tại cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. Cá nhân nhận qua dịch vụ bưu chính phải đăng ký rõ địa chỉ nhận kết quả, lựa chọn hình thức dịch vụ bưu chính có bảo đảm và trả phí dịch vụ cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính khi nhận kết quả.

Điều 26. Việc khai thác, sử dụng thông tin lý lịch tư pháp hỗ trợ hoạt động tổ tụng, công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và hoạt động giải quyết thủ tục hành chính

1. Việc khai thác, sử dụng thông tin lý lịch tư pháp thông qua việc kết nối, chia sẻ được thực hiện theo các phương thức sau đây:

- a) Khai thác trực tiếp trên cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo phân quyền;
- b) Thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Điều 6 Nghị định này;
- c) Các phương thức hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm:

- a) Sử dụng đúng mục đích, không vượt quá phạm vi được phép;
- b) Không cung cấp, chia sẻ cho bên thứ ba khi chưa được phép theo quy định của pháp luật;
- c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu;

d) Đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong quá trình kết nối, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu; thực hiện kết nối, chia sẻ theo yêu cầu kỹ thuật của cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp do Bộ Công an quản lý.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự, thủ tục về việc khai thác, sử dụng thông tin lý lịch tư pháp của các cơ quan, tổ chức theo quy định tại Điều 7 Luật Lý lịch tư pháp.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của pháp luật về lý lịch tư pháp đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm hồ sơ được tiếp nhận.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

1. Các bộ, ngành có trách nhiệm bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trước khi kết nối hệ thống thông tin do mình quản lý với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, bảo đảm thi hành Luật Lý lịch tư pháp và Nghị định này.
2. Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp và các ngành có liên quan chỉ đạo cơ quan chức năng rà soát, tạo lập và số hóa thông tin, dữ liệu lý lịch tư pháp hình thành trước ngày 01 tháng 7 năm 2026, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp do Bộ Công an quản lý, bảo đảm thi hành Luật Lý lịch tư pháp và Nghị định này.
3. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin bảo đảm việc kết nối, chia sẻ giữa cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cổng dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia.
4. Các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm rà soát, kiến nghị sửa đổi các thủ tục hành chính có yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp không phù hợp với quy định của Luật Lý lịch tư pháp và Nghị định này.

5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b). *12*

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Gia Túc